

Đánh giá mức độ an toàn sinh học của cụm chăn nuôi gia cầm ở Việt Nam

Nguyễn Đỗ Anh Tuấn¹, Nguyễn Anh Phong¹, Nguyễn Ngọc Que¹,
Nguyễn Tâm Ninh¹, Phạm Thị Minh Hiền¹, Vũ Thị Lan¹

Hơn một thập kỷ vừa qua, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực hết mình để đối phó với dịch cúm gia cầm (HPAI) và các bệnh dịch mới nổi (EID). Chính sách của Chính phủ nhằm phát triển chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn thông qua thành lập các cụm chăn nuôi gia cầm (PPC) được đưa ra với mục tiêu hạn chế lây lan bệnh dịch nhưng chính sách này gây nhiều tranh cãi về các tác động đối với các mặt đời sống của người chăn nuôi. Trong bối cảnh đó, nhận được tài trợ của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế (IDRC, Canada), Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp (CAP) thuộc Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD) đã thực hiện nghiên cứu đánh giá các cụm sản xuất gia cầm tập trung trên nhiều phương diện, bao gồm kinh tế, xã hội, sức khỏe con người, tác động đến môi trường và kiểm soát dịch bệnh mới nổi. Bài báo trình bày một trong số những nội dung chính của nghiên cứu là đánh giá mức độ an toàn sinh học (ATSH) của cụm sản xuất gia cầm tập trung sử dụng phương pháp chấm điểm của Les Sim từ IDRC dựa trên định nghĩa của FAO về ATSH. Kết quả nghiên cứu chỉ ra mức độ ATSH tổng thể trong PPC tốt hơn so với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư ($p < 0,05$) nhưng hộ chăn nuôi trong PPC còn thua kém hộ bên ngoài ở nhiều chỉ tiêu quan trọng. Điều này đặt ra yêu cầu có các chính sách đầu tư và hỗ trợ hợp lý từ phía Chính phủ để nâng cao mức độ ATSH của chăn nuôi gia cầm trong cụm tập trung.

Từ khóa: An toàn sinh học; Cụm chăn nuôi gia cầm; Dịch bệnh; Sức khỏe cộng đồng.

Biosecurity Assessment of Poultry Production Clusters in Vietnam

Nguyen Do Anh Tuan¹, Nguyen Anh Phong¹,
Nguyen Ngoc Que¹, Nguyen Tam Ninh¹, Pham Thi Minh Hien¹, Vu Thi Lan¹

Over a decade fighting with the Highly Pathogenic Avian Influenza (HPAI), the Government of Viet Nam has made huge efforts to enable its poultry sector to deal with emerging infectious diseases (EID). Government's attempts of promoting large industrial production through establishing poultry production clusters (PPCs) to restrict the emergence and transmission of diseases constitutes one of the most remarkable but controversial debates. In that context, the Center for Agricultural Policy (CAP) under the Institute of Policy and Strategy for Agriculture and Rural Development (IPSARD), financially supported by the International Development Research Center (IDRC, Canada), executed a research on several impacts of PPC's establishment, including economic aspects, social factors, human health, environment protection and EID management. This article introduces an important

part of the research which assesses the biosecurity level of PPCs, using the biosecurity scoring methodology proposed by Les Sim from IDRC based on FAO definition of biosecurity. Study results show that the overall biosecurity level of farms in PPCs is only slightly better than the biosecurity level of small farms located in residential areas, but farms in PPCs are not as good as farms outside PPCs in many important aspects of biosecurity. This raises the demand for more appropriate Government policies on investments and supports to develop and improve the biosecurity level of PPCs.

Keywords: Biosecurity; Poultry Production Cluster; Disease; Public health.

Tác giả:

1. Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD)

1. Đặt vấn đề

Chăn nuôi gia cầm đóng vai trò kinh tế quan trọng và có tác động lớn đến các mặt xã hội, văn hóa, truyền thống của Việt Nam, là nguồn sinh kế chính và có vai trò quan trọng trong giảm nghèo ở nông thôn. Chăn nuôi gia cầm hiện chiếm 85% số hộ chăn nuôi ở Việt Nam theo kết quả điều tra Mức sống hộ gia đình năm 2008. Tuy nhiên, bệnh dịch mới nổi (EID) trong thế kỷ 21 đang đe dọa sản xuất và sự phát triển của ngành chăn nuôi gia cầm. Những đợt bùng phát dịch cúm gia cầm ở châu Á kể từ năm 2003 làm thiệt hại hàng triệu con gia cầm và gây mất mát lớn về thu nhập cho những người sản xuất cả lớn và nhỏ (WHO, 2012).

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên có dịch cúm gia cầm năm 2003. Nhiều đợt bùng phát cúm gia cầm từ sau đó tiếp tục gây thiệt hại rất nghiêm trọng, ảnh hưởng tới 24% xã và 60% tỉnh tại thời kỳ cao điểm của đợt dịch (WHO, 2012). Về sức khỏe cộng đồng, Việt Nam là một trong những nước bị ảnh hưởng nhiều nhất trên thế giới với 119 người bị nhiễm, trong đó 59 trường hợp tử vong, chiếm đến 49,6% (Métrás R và các cộng sự, 2011[14]. Bên cạnh đó, khoảng 50 tỷ con gia cầm chết hoặc bị tiêu hủy do nhiễm bệnh (Otte J và các cộng sự, 2008a [15]. Tổn thất về kinh tế trong giai đoạn 2003-2004 của Việt Nam và các nước có dịch khác ước tính khoảng 0,3%-1,8% GDP của các nước, tương đương 76 đến 450 triệu đô la Mỹ (World Bank, 2004[21].

Trước nguy cơ dịch bệnh mới nổi tác động đến ngành chăn nuôi và sức khỏe người chăn nuôi,

Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách ngăn chặn và kiểm soát dịch bệnh. Chính phủ đang dần tái cấu trúc ngành bằng cách yêu cầu người chăn nuôi di chuyển vào những cụm chăn nuôi gia cầm tập trung (poultry production clusters - PPC), xa khu dân cư nhằm kiểm soát dịch bệnh và nâng cao ATSH. Chính phủ cũng hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển trang trại chăn nuôi công nghiệp, khu giết mổ, doanh nghiệp chế biến trong khu quy hoạch chăn nuôi.

Tuy nhiên, tác động về các mặt kinh tế, xã hội, ATSH, môi trường và sức khỏe của các PPC vẫn còn gây nhiều tranh cãi (ACI, 2006; Delgado và cộng sự, 2008). Trong bối cảnh đó, nhận được sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế (IDRC), Việt Nam cùng 3 quốc gia châu Á khác gồm Trung Quốc, Thái Lan và Indonesia đã sử dụng phương pháp tiếp cận sức khỏe sinh thái (eco-health) để nghiên cứu về tác động của PPC đối với những người sản xuất quy mô nhỏ về các mặt kinh tế, xã hội, sức khỏe và môi trường, từ đó đề xuất giải pháp nhằm cải thiện đời sống cho những người chăn nuôi gia cầm nhỏ và giảm thiểu rủi ro bùng phát dịch bệnh trong PPC. Bài báo này sẽ trình bày một trong số những nội dung nghiên cứu chính của dự án là đánh giá mức độ ATSH trong các PPC của Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Theo FAO (2008), ATSH là "việc thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro lây nhiễm và lây

lan mầm bệnh. ATSH yêu cầu người chăn nuôi phải áp dụng một loạt các thái độ và hành vi để giảm rủi ro trong tất cả các hoạt động liên quan đến các loài chim bản địa, ngoại lai và hoang dã và các sản phẩm từ chúng". Hầu hết trang trại chăn nuôi thương mại quy mô lớn đều áp dụng các biện pháp ATSH, trong khi những trang trại quy mô nhỏ áp dụng các biện pháp đơn giản, chi phí thấp.

Nghiên cứu đánh giá mức độ ATSH của các hộ chăn nuôi bằng phương pháp chấm điểm của Tiến sĩ Les Sim từ IDRC dựa trên định nghĩa của FAO về ATSH. Phương pháp này cho điểm theo 14 tiêu chí chăn nuôi ATSH (Bảng 1) bằng cách quan sát trực tiếp, hỏi người quản lý trang trại và đối chiếu lại với người lao động trong trại (nếu có).

Các tiêu chí phản ánh những biện pháp kiểm

Bảng 1. Các tiêu chí cho điểm ATSH

Tiêu chí	Điểm	Định nghĩa
1. Thu hút các loài chim hoang dã	3	Không có cây cối, ao cá, suối/nguồn nước hồ gần trại nuôi
	2	Có cây cối trong trại nhưng không gần nguồn nước
	0	Có cây cối và nguồn nước hồ gần trại
2. Biện pháp ngăn chặn tiếp xúc giữa chim hoang dã và gia cầm	3	Chuồng kín hoàn toàn, ngăn mọi sự tiếp xúc của chim hoang dã với gia cầm
	2	Dưới 50% gia cầm được nuôi ngoài trời hoặc chuồng nuôi khá kín
	0	Trên 50% gia cầm được nuôi ngoài trời hoặc chuồng nuôi chỉ kín tương đối
3. Biện pháp ngăn chặn lây nhiễm dịch bệnh giữa người nuôi và gia cầm	3	Toàn bộ gia cầm được nuôi ngoài trời và chuồng hồ hoàn toàn
	2	Người nuôi sống liên tục trong khu vực nuôi gia cầm (cho tới khi bán gia cầm)
	0	Có ứng dụng quần áo riêng chuyên dùng khi vào chuồng nuôi
4. Biện pháp đối với gia cầm mới nhập trại (gồm cả gà chọi)	3	Không có biện pháp nào
	2	Toàn bộ gia cầm được nuôi cùng lứa (Áp dụng biện pháp "cùng vào – cùng ra")
	0	Có biện pháp kiểm soát khi nhập gia cầm. VD: ghi chép theo lứa
5. Biện pháp đối với khách vào trại	3	Không có biện pháp nào
	2	Kiểm soát chặt chẽ khách ra vào trại (tắm và thay quần áo trước khi vào)
	0	Có một số biện pháp hạn chế khách ra vào chuồng nuôi. VD: đặt biển báo trước trại, rào quanh trại, khách thay giày dép hoặc khử trùng khi vào chuồng nuôi.
6. Biện pháp đối với thương lái	3	Có một số biện pháp nhưng quản lý kém.
	2	Khách có thể ra vào trại tự do
	0	Khách có thể ra vào trại nuôi sau khi khử trùng
7. Biện pháp đối với dụng cụ và phương tiện vận chuyển	3	Không có biện pháp nào kiểm soát thương lái
	2	Phương tiện vận chuyển không được vào chuồng/trại nuôi
	0	Phương tiện vận chuyển được khử trùng khi vào trại
8. Nguồn nước và cách xử lý nước	3	Có biện pháp kiểm soát nhưng quản lý kém
	2	Không có biện pháp kiểm soát đối với phương tiện vận chuyển
	0	Có hệ thống xử lý nước và chất lượng nước được giám sát
9. Nguồn thức ăn	3	Sử dụng nguồn nước có chất lượng (nước mưa, tái chế), không bị ô nhiễm
	2	Sử dụng nguồn nước mặt chất lượng tốt và có sự bảo vệ khi vận chuyển
	0	Sử dụng nguồn nước mặt không có biện pháp xử lý nào
10. Môi trường địa phương: khoảng cách tới đường, trại khác	3	Sử dụng thức ăn công nghiệp, không cần chế biến thêm
	2	Tự trộn thức ăn ở trại bằng máy
	0	Tự trộn thức ăn ở trại bằng tay
11. Nuôi kết hợp nhiều loại gia cầm	3	Gia cầm tự kiểm ăn bên ngoài chuồng/trại
	2	Gia cầm được nuôi cách đường giao thông hoặc trại khác ít nhất 500m
	0	Gia cầm được nuôi cách đường giao thông hoặc trại khác trong vòng 200-500m.
12. Khả năng vệ sinh và khử trùng trại	3	Gia cầm được nuôi cách đường giao thông hoặc trại khác trong vòng 20-200m.
	2	Gia cầm được nuôi cách đường giao thông và trại khác trong vòng 20m.
	0	Chỉ có 1 loại gia cầm được nuôi trong trại
13. Biện pháp đối với vào chuồng nuôi	3	Một vài loại gia cầm cùng được nuôi trong trại nhưng ở các chuồng khác nhau
	2	Một vài loại gia cầm được nuôi thả tự do trong trại
	0	Nhiều loại gia cầm được nuôi thả tự do trong trại
14. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi ATSH	3	Vệ sinh, khử trùng toàn bộ chuồng trại thường xuyên (hơn 1 lần/tuần)
	2	Vệ sinh, khử trùng toàn bộ hoặc 1 số khu vực trong trại thường xuyên (hơn 1 lần/tháng)
	0	Chỉ vệ sinh và khử trùng không thường xuyên 1 số khu vực trong trại nuôi.
15. Biện pháp đối với vào chuồng nuôi	3	Không vệ sinh và khử trùng
	2	Có một số biện pháp khử trùng (dùng ứng, dây đeo, quần áo riêng, khử trùng khi ra vào chuồng nuôi)
	0	Có một số biện pháp nhưng không hiệu quả
16. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi ATSH	3	Không có biện pháp khử trùng hay làm sạch nào
	2	Kế hoạch ATSH được viết thành văn bản với các quy trình được chuẩn hóa
	0	Nông dân có kế hoạch cụ thể như năng cấp trang thiết bị, thực hành ATSH
17. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi ATSH	3	Chỉ làm theo hướng dẫn của địa phương, không có kế hoạch của bản thân
	2	Không có kế hoạch hay hướng dẫn nào
	0	

Nguồn: Les Sim (2012)

soát ATSH khác nhau. Trong đó, 13 tiêu chí đầu là về những nguy cơ lây nhiễm mầm bệnh có thể xảy ra đối với trại và chuồng nuôi gồm chim hoang dã, công nhân trang trại, gia cầm vừa mới nhập hoặc nhập thêm, khách vào thăm trại, lái buôn, phương tiện và thiết bị ra vào trại, thức ăn và nước, mức độ thuận tiện để làm sạch và khử trùng khu vực chăn nuôi, môi trường địa phương (khoảng cách tới đường đi và trại lân cận), nuôi nhiều loại gia cầm trong 1 trại, các trại được xây gần nhau (điều này có thể dẫn đến lây lan bệnh dịch nếu khoảng cách quá gần và các trại không đủ kín), các biện pháp khử trùng tại lối vào chuồng nuôi. Tiêu chí cuối cùng cung cấp thông tin về cách tiếp cận ATSH nói chung. Việc đánh giá được thực hiện bằng theo thang điểm từ 0 đến 3, trong đó 0 tương ứng với mức ATSH thấp nhất và 3 điểm tương ứng với mức an toàn cao nhất.

Đánh giá được thực hiện dựa trên số liệu điều tra vào năm 2012 tại Hà Nội (Hà Tây cũ) và Đồng Nai, nơi chăn nuôi gia cầm đã phát triển từ lâu theo các loại hình và quy mô đa dạng với số lượng hộ chăn nuôi và số lượng gia cầm lớn, cung cấp sản lượng lớn thịt gia cầm cho 2 thị trường lớn nhất cả nước là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Tại các địa bàn này đã phát triển nhiều cụm chăn nuôi tập trung theo hướng thương mại. Đây cũng là 2 địa bàn thuộc các vùng đồng bằng dân cư đông đúc, nơi vệ sinh an toàn thực phẩm, dịch bệnh vật nuôi, ô nhiễm môi trường và sức khỏe người chăn nuôi là các vấn đề gây nhiều bức xúc trong xã hội. Điều tra được tiến hành tại 78 hộ chăn nuôi gồm 48 hộ ở Hà Nội và 30 hộ ở Đồng Nai. Tại Hà Nội, do chưa có nhiều PPC khiến tổng số hộ trong PPC nhỏ hơn nhiều so với tổng số hộ ngoài PPC, nghiên cứu lựa chọn mẫu điều tra theo tỷ lệ gồm 7 hộ trong PPC và 41 hộ ngoài PPC. Tại Đồng Nai, do PPC đã phát triển khiến tổng số hộ trong PPC tương đương với tổng số hộ ngoài PPC, nghiên cứu lựa chọn mẫu điều tra gồm 15 hộ trong PPC và 15 hộ ngoài PPC.

3. Kết quả

Mức độ ATSH của các hộ chăn nuôi nhìn chung đạt mức trung bình với 21,7 điểm trên tổng điểm tối đa là 42 điểm. Các hộ trong PPC có mức ATSH cao hơn so với mức ATSH của các hộ ngoài PPC với tổng điểm trong PPC đạt 22,2 điểm so với 21,6 điểm ngoài PPC với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Tuy nhiên, nếu xét theo từng tiêu chí

ATSH, hộ chăn nuôi trong PPC chỉ tốt hơn hộ ngoài PPC ở 4 tiêu chí, bằng điểm ở 2 tiêu chí và thấp điểm hơn ở 8 tiêu chí.

Trước tiên, những hộ chăn nuôi trong PPC có xu

Bảng 2. Điểm số ATSH của các hộ chăn nuôi

	Ngoài PPC	Trong PPC	Chung
Tổng điểm	21,6**	22,2**	21,7
1. Thu hút các loài chim hoang dã	1,0	0,8	0,9
2. Biện pháp ngăn chặn tiếp xúc giữa chim hoang dã và gia cầm	1,7	1,7	1,7
3. Biện pháp ngăn chặn lây nhiễm dịch bệnh giữa người nuôi và gia cầm	1,4	1,3	1,3
4. Biện pháp đối với gia cầm mới nhập trại (gồm cả gà chọi)	2,3	2,2	2,3
5. Biện pháp đối với khách vào trại	1,1	1,2	1,1
6. Biện pháp đối với thương lái	0,9	1,6	1,1
7. Biện pháp đối với dụng cụ và phương tiện vận chuyển	0,9	1,2	1,0
8. Nguồn nước và cách xử lý nước	1,8	1,8	1,8
9. Nguồn thức ăn	2,5	2,2	2,4
10. Môi trường địa phương: khoảng cách tới đường, trại khác	1,3	2,0	1,5
11. Nuôi kết hợp nhiều loại gia cầm	2,4	2,1	2,3
12. Khả năng vệ sinh và khử trùng trại	1,6	1,3	1,5
13. Biện pháp ở lối vào chuồng nuôi	1,4	1,2	1,3
14. Kế hoạch thực hiện chăn nuôi ATSH	1,5	1,2	1,3

*Ghi chú: * là ký hiệu sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giá trị trung bình trong cụm so với ngoài cụm sử dụng Bartlett Test; * thể hiện sự khác biệt ở mức 10%, ** thể hiện sự khác biệt ở mức 5% và *** thể hiện sự khác biệt ở mức 1%. Nguồn: Tính toán trên số liệu điều tra*

hướng thu hút chim hoang dã nhiều hơn những hộ chăn nuôi trong khu dân cư do hầu hết các PPC nằm giữa cánh đồng hoặc những vùng dân cư thưa thớt, nơi có nhiều cây cối, kênh mương, là nơi cư ngụ của các loài chim hoang dã. Tại Đồng Nai, trước khi thành lập cụm, khu vực các PPC là những vùng đất trũng, có nhiều ao hồ. Hộ chăn nuôi phải đổ thêm đất để tôn cao vùng này và xây trại, khiến các khu vực xung quanh trở thành các vùng nước đọng vào mùa mưa. Tình trạng tương tự cũng được ghi nhận ở Thái Lan nơi việc chặt bỏ cây cối xung quanh trại gia cầm thực sự giúp tăng điểm số hay chính là tăng mức độ ATSH của các trại gia cầm trong PPC (Worapol Aengwanich, Thongchai Boonsorn và Prayat Srirot, 2014).

Tuy nhiên, các hộ trong PPC thực hiện tốt hơn những biện pháp ngăn chặn tiếp xúc với chim hoang dã so với hộ ngoài PPC do hầu hết các trại trong cụm được xây theo kiểu chuồng kín. Người chăn nuôi cho rằng, chuồng kín có thể giúp ngăn chặn

dịch bệnh từ những trại bên cạnh. Do vậy, các loài chim hoang dã không thể tiếp xúc với gia cầm trong trại. Trong khi đó, phần lớn trại ngoài PPC là loại chuồng hở vì người chăn nuôi cho rằng không có nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh vì xung quanh không có trại gia cầm nào khác mà là khu dân cư.

Về các biện pháp bảo hộ cho người lao động trong trại, mặc dù người chăn nuôi sống liên tục trong trại cho đến khi gia cầm được xuất bán nhưng các hộ chăn nuôi gia cầm cả trong và ngoài PPC đều có điểm số không cao cho tiêu chí này, lần lượt là 1,3 điểm và 1,4 điểm, do các hộ không áp dụng tốt biện pháp bảo hộ. Người lao động cả trong và ngoài PPC hầu như không sử dụng găng tay, khẩu trang hay quần áo bảo hộ khi thực hiện các hoạt động chăn nuôi gia cầm, cũng như các công việc khác trong trại bao gồm cả chăn nuôi lợn, dê và trồng trọt do thiếu hiểu biết về các nguy cơ lây bệnh giữa họ và gia cầm nuôi. Mặt khác, họ cảm thấy việc sử dụng quần áo bảo hộ và găng tay rất bất tiện, và cho rằng khẩu trang khiến họ không nhận biết được mùi lạ hay chính là các nguy cơ đối với gia cầm.

Các biện pháp kiểm soát gia cầm mới nhập trại và nuôi kết hợp nhiều loại gia cầm là 2 trong số những tiêu chí hộ chăn nuôi đạt điểm tốt nhất, từ 2,1 đến 2,4 điểm. Đối với việc kiểm soát gia cầm, hầu như tất cả các hộ chăn nuôi đều thực hiện biện pháp "cùng vào - cùng ra" giúp kiểm soát tốt gia cầm theo lứa. Đa số các hộ chăn nuôi cũng có ý thức tốt về việc chỉ nuôi 1 loại gia cầm trong trại để tránh lây bệnh giữa các loại khác nhau. Tuy nhiên, một số trại tại Hà Nội thường nuôi thêm các gia cầm khác như vịt hay gà giống địa phương để phục vụ nhu cầu của gia đình.

Thức ăn và nước sử dụng trong chăn nuôi ở các hộ cũng được đánh giá khá tốt. Về nguồn thức ăn sử dụng trong chăn nuôi, điểm số của các hộ khá tốt với 2,2 điểm cho hộ trong PPC và 2,5 điểm cho hộ ngoài PPC. Đa số hộ chăn nuôi cả trong và ngoài PPC sử dụng thức ăn pha trộn sẵn được đóng gói của nhà máy trừ một số hộ ở Hà Nội sử dụng thức ăn tự chế và thức ăn khô không được bao gói khi nuôi gà ta. Chất lượng nguồn thức ăn cũng khác nhau giữa các hộ do biện pháp kiểm soát động vật gặm nhấm và côn trùng của từng hộ. Về nguồn nước, các hộ trong và ngoài PPC đều đạt 1,8 điểm. Tất cả các hộ đều sử dụng nước giếng khoan nhưng chỉ một số có hệ thống lọc và cấp nước đảm bảo vệ sinh. Nhiều hộ chăn nuôi còn sử dụng nước bơm trực tiếp từ giếng để sử dụng trong chăn nuôi.

Đối với những biện pháp kiểm soát khách, thương lái, dụng cụ và phương tiện vận chuyển ra vào trại, hộ chăn nuôi trong PPC đạt điểm cao hơn hộ ngoài PPC nhưng mức điểm cả trong và ngoài PPC đều thấp (chỉ từ 0,9 đến 1,6 điểm) do hầu hết các trại không có những biện pháp kiểm soát cơ bản như hàng rào bao quanh, cửa và các rào cản. Nguy cơ lây nhiễm bệnh dịch qua thương lái tại các trại trong và ngoài PPC cũng rất cao do khu vực chăn nuôi và khu vực nhà ở trong các trại này thường không tách biệt nhau khiến thương lái có thể dễ dàng tiếp cận với khu vực chuồng nuôi. Bên cạnh đó, hộ chăn nuôi cả trong và ngoài PPC cũng ít sử dụng các biện pháp kiểm soát trang thiết bị và phương tiện vận chuyển. Trong điều kiện chăn nuôi thông thường không có dịch bệnh, phương tiện vận chuyển gia cầm được ra vào trại tự do mà không phải vệ sinh, khử trùng dù các trại đều có bình xịt khử trùng tại cổng ra vào. Điều này khiến nguy cơ lây nhiễm bệnh từ phương tiện vận chuyển rất cao. Các biện pháp kiểm soát phương tiện vận chuyển chỉ được áp dụng khi dịch bệnh đã bùng phát.

Về môi trường địa phương, hầu hết các cụm chăn nuôi gia cầm đều cách xa khu dân cư tập trung và đường giao thông do sử dụng đất ruộng trước đây trồng lúa để xây dựng trại chăn nuôi gia cầm. Vì vậy, các hộ trong PPC thường nằm giữa cánh đồng, đảm bảo cách trại khác và đường giao thông trong khoảng 200-500m. Trong khi đó, các hộ chăn nuôi ngoài PPC nằm trong khu dân cư sát với các hộ dân khác và đường giao thông nên khó cách ly với các nguồn bệnh. Do đó, hộ chăn nuôi trong PPC có điểm môi trường địa phương đạt 2 điểm, cao hơn hộ ngoài PPC chỉ đạt 1,3 điểm.

Các hộ chăn nuôi cả trong và ngoài PPC đều đạt điểm khá thấp đối với 2 chỉ tiêu khả năng làm sạch và tẩy trùng trại và các biện pháp khử trùng ở lối vào chuồng nuôi. Khu vực chăn nuôi của các hộ trong PPC rất khó vệ sinh, khử trùng do đều đang là nền đất có bề mặt khó làm sạch. Một số cụm chăn nuôi gia cầm tự phát sử dụng lối đi chung với các khu dân cư, tiềm ẩn nguy cơ cao về lây lan dịch bệnh. Các hộ trong PPC trung bình dùng hóa chất khử trùng khu vực nuôi và diệt côn trùng hơn 5 lần/tháng trong khi các hộ ngoài PPC trung bình dùng hóa chất khử trùng khu vực nuôi và diệt côn trùng khoảng hơn 4 lần/tháng. Cả 2 nhóm hộ này đều dọn chuồng nuôi khoảng 1 lần/tháng và dọn phân 6 lần/tháng đối với hộ trong PPC, 4 lần/tháng

đối với hộ ngoài PPC (tính toán từ số liệu điều tra của CAP năm 2012). Các hộ chăn nuôi cả trong và ngoài cụm đều chưa có thói quen sử dụng biện pháp bảo hộ và khử trùng ở lối vào chuồng nuôi. Một số hộ đã có ủng, găng tay, quần áo bảo hộ nhưng việc sử dụng không nghiêm túc, trong khi đa số các hộ không có hồ khử trùng ở cửa chuồng nuôi. Về kế hoạch thực hiện chăn nuôi ATSH, đa số hộ chăn nuôi được phỏng vấn không có kế hoạch hay quy trình thực hiện ATSH được chuẩn hóa mà đa số hộ chăn nuôi chỉ làm theo hướng dẫn của cán bộ thú y địa phương mà không có kế hoạch riêng. Chỉ một số ít hộ bắt đầu lập kế hoạch cụ thể như nâng cấp trang thiết bị, áp dụng thực hành ATSH, VietGAHP trong chăn nuôi.

Ở Thái Lan, tuy mức độ ATSH của cả hộ trong và ngoài PPC đều cao hơn Việt Nam nhưng cũng có hiện tượng hộ trong PPC và hộ ngoài PPC hơn kém nhau không nhiều ở từng chỉ tiêu cụ thể (Huo Wei và Worapol Aengwanich, 2012). Chỉ có hộ chăn nuôi gia công cho công ty có điểm số cho các chỉ tiêu cao hơn hẳn hộ chăn nuôi cả trong và ngoài PPC do phía công ty áp dụng quy trình kiểm soát chặt chẽ.

Cụm chăn nuôi ATSH với các thủ tục kiểm dịch nghiêm ngặt dự kiến sẽ cải thiện việc quản lý chất thải và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy mức độ áp dụng các biện pháp ATSH trong PPC nhìn chung còn chưa tốt hơn rõ rệt so với các trại chăn nuôi nhỏ lẻ ngoài PPC. Điều này là do PPC chưa có quy hoạch hợp lý, cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện và các tiêu chí ATSH chưa được áp dụng nghiêm ngặt. Do đó, để phát triển mô hình này, cần có những hỗ trợ để lập quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp dịch vụ thú y cho các hộ gia đình chăn nuôi một cách rộng rãi và bền vững. Điều này cần được nhà nước quan tâm hỗ trợ trong thời gian tới nhằm đạt mục tiêu tái cơ cấu chăn nuôi theo hướng hiệu quả và bền vững.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin cảm ơn Trung tâm Nghiên cứu Phát triển quốc tế Canada (IDRC) đã tài trợ để Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp (CAP) thực hiện nghiên cứu này trong khuôn khổ dự án "Đánh giá sức khỏe sinh thái (Eco-Health) cụm sản xuất gia cầm nhằm cải thiện đời sống cho người chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ". Xin cảm ơn sự hỗ trợ hiệu quả của các điều tra viên, các hộ chăn nuôi gia cầm và chính quyền địa phương ở thành phố Hà

Nội (Hà Tây cũ) và tỉnh Đồng Nai trong suốt quá trình điều tra thực địa và chuẩn bị báo cáo. Nhóm nghiên cứu cũng ghi nhận những ý kiến đóng góp

quý giá từ các chuyên gia của những nước khác cùng tham gia Dự án và cán bộ từ các bộ, ngành, viện nghiên cứu tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. ACI. (2006). The Impact of Avian Influenza on Poultry Sector Restructuring and its Socio-economic Effects. Report submitted to FAO. Poultry Sector Rehabilitation Project - Phase 1.
2. Aengwanich W., Boonsorn T. and Srikot P. (2014). Intervention to Improve Biosecurity System of Poultry Production Clusters (PPCs) in Thailand. Agriculture 2014, 4(3), 231-238.
3. CAP (2012). Eco-Health assessment on poultry production clusters (PPCs) for the livelihood improvement of small producers - Research report. Hanoi.
4. Collins, L. M. (2007). The role of the intensive poultry production industry in the spread of Avian Influenza.
5. Costales and Catelo M.A.O (2009). Contract Farming as an Institution for Integrating Rural Smallholders in Markets for Livestock Products in Developing Countries: Results in Case Countries.
6. Delgado C. et al. (2008). Determinants and implications of the growing scale of livestock farms in four fast-growing developing countries.
7. FAO (2008). Biosecurity for Highly Pathogenic Avian Influenza: Issues and Options. FAO Animal Production and Health Paper 165.
8. FAO (2010). Livestock Sector Policies and Programmes in Developing Countries - a menu for practitioners, by U.Pica-Ciamarra, J. Otte and C. Martini. Rome.
9. Kryger, K. N. (2007). The Failing Structures of Animal Health Services - Room for Improvement.
10. Lan, M. (2012). Dark side of Intensive industrial poultry farming.
11. Larsen, S. (2007). Drivers and Inhibitors for Commercialization of the Poultry Sector in the Light of Avian Influenza.
12. LIFSAP. (2011). Livestock Competitiveness and Food Safety project: Draft report from Baseline survey 2010.
13. Luc, P. V. (2007). The Economic Impact of Highly Pathogenic Avian Influenza - Related Biosecurity Policies on the Vietnamese Poultry Sector.
14. Métras R., S. M.-H. (2011). An assessment of the feasibility of a poultry tracing scheme for smallholders in Vietnam.
15. Otte J., H. J.-H. (2008a). Impact of Avian Influenza Virus on Animal Production in Developing Countries. CAB Reviews: Perspective in Agriculture, Veterinary Science, Nutrition and Natural Resources, 3. No 080.
16. Permin, A., & Detmer, A. (2007). Improvement of Management and Biosecurity Practices in Smallholders Poultry Producers.
17. Santoianni D.A, B. M. (2008). Power from Animal Waste - Economic, Technical and Regulatory Landscape in the United States. Journal of EUEC, 2.
18. Steinfeld H. et al. (2006). Livestock's long shadow: environment issues and options.
19. Thieme, O. (2007). Trends, Issues and Options in Applying Long-term Bio-security Measures on Production Systems and Sector Structure.
20. Wei H. and Aengwanich W. (2012). Biosecurity Evaluation of Poultry Production Cluster (PPCs) in Thailand. International Journal of Poultry Science 11, 2012.
21. World Bank. (2004). The Impact of the Avian Influenza Epidemic on the Vietnamese Economy: an Estimate by the World Bank in Vietnam.